

thái riêng có của TP.HCM (tương tự như cầu treo Sydney, Opera house (Úc), Trung Hoa cầm thú (Quảng Đông), tháp truyền hình khu phố Đông Thượng Hải (Trung Quốc), tháp đôi (Malaysia) hay thiên đường mua sắm (Singapore).

Thứ ba, phân bố hợp lý tỷ lệ dân số trên diện tích 1 Km² phù hợp với đặc điểm của các khu đô thị và dân cư.

Thứ tư, hoàn chỉnh các đầu mối giao lưu kinh tế quốc tế song song đó là hoạch định chính sách đào tạo, phân bổ nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế - XH. Đặc biệt là cần có 1 thể chế, cơ chế và chính sách kinh tế - XH thiết thực bảo đảm cho sự hoạt động năng động, có hiệu quả và phát triển bền vững của một siêu đô thị trẻ.

Những phác hoạ về tương lai của TP.HCM đều có thể trở thành hiện thực, nếu có sự chung sức của cộng đồng: TP.HCM, khu vực, quốc gia và sự hỗ trợ của quốc tế●

Tài liệu tham khảo

Số liệu thống kê – Tổng cục thống kê – 6 tháng đầu năm 2011

Số liệu thống kê – Cục thống kê TP.HCM – 6 tháng đầu năm 2011

GSTS Nguyễn Thanh Tuyền: *Hoạch định chính sách tài chính thời kỳ hậu khủng hoảng* – Hội thảo khoa học Bộ tài chính – 01/2010.

GSTS Nguyễn Thanh Tuyền : *Tái cấu trúc kinh tế VN thời hậu khủng hoảng* – Hội thảo khoa học do viện nghiên cứu lập pháp tổ chức 04/2011

GSTS Nguyễn Thanh Tuyền : “Đánh giá hiệu quả các giải pháp kiềm chế lạm phát và xu hướng tái cấu trúc các quan hệ tài chính – thị trường hậu khủng hoảng”. Tạp chí *Tài chính – Marketing*. ISSN – 1859 – 3690 – 11/2010

Thời báo kinh tế - tháng 1,2,3,4,5,6,7/2011
Báo *SGGP* tháng 01 đến tháng 07/2011.



Tiếp tục chuyển đổi mô hình kinh tế Việt Nam theo hướng cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN

Chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng chủ yếu từ dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng là vốn, khai thác tài nguyên và nguồn nhân lực chất lượng thấp, sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chủ yếu dựa vào các nhân tố năng suất tổng hợp, như khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại, qua đó mà nâng cao mức đóng góp của các yếu tố này vào tăng trưởng kinh tế, nhằm đảm bảo phù hợp với hội nhập kinh tế toàn cầu. Bài viết này là sự tổng hợp ý kiến, bài viết của các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học đã đăng tải trên các tạp chí, báo điện tử, thực chất tôi chỉ tổng hợp các ý kiến trên mà thôi, trân trọng các tác giả được sử dụng trong bài báo này.

Chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng cạnh tranh là một quá

trình động, luôn luôn được hoàn thiện phù hợp sự phát triển của khoa học, công nghệ và lợi thế cạnh tranh cụ thể của mỗi quốc gia. Đối với nền kinh tế nước ta sau 25 năm đổi mới bên cạnh những thành quả tích cực đạt được, thì cũng đang tồn tại bất cập. Cụ thể tuy đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao so với các nước trong khu vực, nhưng do phát triển nhanh về chiều rộng, theo số lượng đã để lại những hạn chế trogn thấy như chất lượng phát triển chưa theo chiều sâu, mô hình kinh tế đang lệ huộc vào đầy tư trực tiếp tư nước ngoài, thiếu chọn lọc khi tiếp nhận công nghệ, chất lượng lao động chưa cao.... Đây chính là những thách thức phải vượt qua trong chặng đường phát triển của các giai đoạn tiếp theo.

Thực tiễn phát triển từ năm 2001- 2010 9 của nền kinh tế nước ta cho thấy, để đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7,27%/năm, thì xuất khẩu phải tăng 15,51%/năm, cao gấp 2,13 lần, còn thị trường trong nước tăng 17,59%/năm, cao gấp 2,42 lần.

Trong năm 2010, khi nhịp độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn, nhưng hai đầu ra đã phải tăng.

Để đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7,5%/năm trong thập kỷ tới và “rủi GDP” của nước ta sẽ được mở rộng lên hơn gấp đôi, đạt trên 200 tỷ USD, thì xuất khẩu phải đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân trên 17%/năm và “rủi hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu” sẽ phải đạt con số khổng lồ 375 tỷ USD vào năm 2020, lớn gấp 1,85 “rủi GDP”. Hơn thế, cũng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế đó, nhưng với hệ số 2,42 lần, thị trường trong nước phải tăng bình quân trên 18%/năm, cho nên “rủi hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng” vào cuối thập kỷ tới sẽ phải đạt quy mô 411 tỷ USD, lớn gấp 2,03 lần quy mô GDP.

Mô hình tăng trưởng kinh tế thể hiện không hợp lý ở chỗ, nhịp độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ quá nhanh (sau đây gọi tắt là nhập khẩu), dẫn đến hệ quả “kép”: nhập siêu quá lớn và là tác nhân trực tiếp dẫn đến hiệu quả thúc đẩy kinh tế phát triển của thương mại thấp.

Tất cả những điều nói trên đã thể hiện mô hình kinh tế nước ta chưa phù hợp với cạnh tranh, bởi nó làm gia nhịp độ phát triển cả thị trường đầu ra lẫn thị trường đầu vào quá nhanh, vì vậy trong chuyển đổi mô hình kinh tế cần làm cho nhịp độ phát triển các thị trường này chậm lại, nhưng vẫn bảo đảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh như mong muốn, tức là nâng cao đáng kể hiệu quả thúc đẩy kinh tế phát triển của thương mại.

Nếu nhìn vào “rủi hàng hoá nhập khẩu”, tương chừng quan điểm “ưu tiên nhập khẩu tư liệu sản xuất” cho đến nay là có lý, bởi bình quân chín năm gần đây tăng lên 92,23%

(thập kỷ 90 chiếm 89,19%), nhưng với tỷ trọng 64,45% (thập kỷ 90 là 60,54%), thực chất là ưu tiên quá lớn để nhập khẩu nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu. Trong đó, ngoài những nguyên liệu chủ yếu và nhiên liệu mà công nghiệp trong nước chưa đáp ứng được, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tăng tốc bất nguồn từ việc ồ ạt nhập khẩu hàng loạt các sản phẩm trung gian, các linh kiện, bộ phận sản phẩm phục vụ gia công, lắp ráp.

Bên cạnh đó, trong “rủi hàng hoá xuất khẩu” của nước ta hiện vẫn còn không ít những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu có tên tuổi trên thị trường thế giới là những sản phẩm của công nghiệp khai thác khoáng sản, điển hình như than đá và nông nghiệp khai thác tài nguyên đất đai, điển hình là cao su, cà phê. Đây cũng là tác nhân quan trọng khiến cho nhịp độ phát triển các thị trường đầu ra quá nhanh và quy mô quá lớn như nói trên, nhưng hiệu quả thúc đẩy kinh tế phát triển thấp. Tất cả hiện trạng nói lên rằng, VN cần phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng.

Giáo sư Kenichi Ohno, giảng viên Đại học Nghiên cứu Chính sách (Nhật) phát biểu tại Hội nghị cấp cao về kinh doanh tại VN mới đây đã nhấn mạnh: Từ sau đổi mới (năm 1986-NV) đến nay, VN đã có nhiều tiến bộ trong tự do hoá và hội nhập. Tuy nhiên, tăng trưởng trước đây chủ yếu dựa vào mở cửa thương mại và luồng tiền ngoại tệ đổ vào như ODA, FDI, kiều hối, đầu tư vào chứng khoán, bất động sản..., chứ không dựa trên năng suất. Do đó, VN không thể tiếp tục dựa vào lắp ráp đơn giản với lao động không có kỹ năng. Các ngành công nghiệp sẽ rút khỏi VN khi mức lương tăng lên và hội nhập

ngày càng sâu rộng.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng là đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá và cạnh tranh gay gắt, nhưng không thể hành động theo ý muốn mà phải tạo ra các tiền đề và điều kiện cho quá trình chuyển đổi. Những tiền đề và điều kiện đó chính là các đột phá chiến lược. Chính vì vậy, trong thời kỳ chiến lược tới, nhất là trong những năm đầu, phải tập trung giải quyết các khâu đột phá, kết hợp hợp lý giữa tăng trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu, theo hướng chuyển mạnh sang chiều sâu. Tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng là công việc đòi hỏi sự nỗ lực của các ngành, các cấp, của cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò mở đường và hỗ trợ còn doanh nghiệp là chủ thể, lực lượng chủ công của tiến trình này.

Mục tiêu chuyển đổi mô hình kinh tế VN giai đoạn từ 2012- 2020 là đảm bảo nền kinh tế VN theo hướng hiện đại và phát triển bền vững chính là: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của VN trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”. Để đạt mục tiêu đó, cần phải quán triệt các nguyên tắc:

Một, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế phải gắn với yêu cầu hiện đại hoá và phát triển bền vững của VN trong thời kỳ mới là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát

triển; coi ổn định vĩ mô và đồng thuận xã hội cao là nền tảng quan trọng nhất của sự phát triển; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực văn hoá xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; đồng thời khắc phục tư tưởng chạy theo tốc độ mà không chú ý đúng mức đến chất lượng tăng trưởng.

Hai, trong đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất phải dựa vào trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao, phản ánh xu thế khoa học, công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Còn quan hệ sản xuất phải bảo đảm phát triển nhanh hài hoà các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trên cơ sở tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần, để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu. Hoàn thiện cơ chế chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân như một động lực ngày càng quan trọng của phát triển và ổn định kinh tế - xã hội...

Ba, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế cần có sự tham gia rộng rãi, tự nguyện của các doanh nghiệp và đối tác liên quan theo nguyên tắc thị trường, đồng thời, đề cao bàn tay nhạc trưởng thống nhất của Nhà nước thông qua các công cụ luật pháp và ngân sách nhà nước định vị lại đúng đắn hơn vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước trong quá trình tái cấu trúc kinh tế. Theo đó kinh tế nhà nước không chỉ là doanh nghiệp nhà nước, mà còn có các nguồn

lực khác do Nhà nước sở hữu, gồm ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên, dự trữ quốc gia và chỉ chiếm vị trí chủ đạo trong một số lĩnh vực kinh tế thích hợp. Thông qua các chính sách phát triển và cơ chế điều tiết, phân bổ hiệu quả, các nguồn lực này sẽ là nhân tố kích hoạt, định hướng việc thực hiện chính sách cơ cấu và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Cần tăng cường gắn kết giữa các khu vực doanh nghiệp và thúc đẩy hình thành nền kinh tế với cơ cấu 2 tầng: Tầng trên là các doanh nghiệp lớn, hiện đại. Tầng dưới là các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên kết chặt chẽ với nhau và với tầng trên. Đặc biệt, khuyến khích việc sáp nhập để phát triển các tập đoàn kinh tế lớn, đa sở hữu, kinh doanh đa ngành, hoạt động xuyên quốc gia; giảm thiểu dần các doanh nghiệp nhỏ, yếu kém sức cạnh tranh và không có triển vọng thị trường. Đồng thời, cần bắt đầu tái cấu trúc theo từng ngành và sản phẩm kinh tế chủ lực từ đó hình thành phương án chung của cả nước; mở rộng quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hình thành các sản phẩm chủ lực, quy mô lớn, có hiệu quả và phát huy lợi thế so sánh chung của đất nước, của địa phương và của doanh nghiệp.

Bốn, chuyển đổi mô hình kinh tế phải gắn với yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tiềm lực kinh tế của đất nước, lực lượng doanh nghiệp trong nước có mạnh, nền kinh tế mới vững, vị thế trong hội nhập mới cao. Càng hội nhập có hiệu quả, VN càng có điều kiện thuận lợi để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Năm, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, phải coi trọng nội dung văn hoá xã hội và bảo vệ môi trường. Văn hoá với tư cách là lĩnh vực rộng lớn có nhiều nội dung gắn kết tương tác lẫn nhau, tác động mạnh đến kinh tế và mọi mặt của đời sống, đến từng con người và cả cộng đồng, hình thành nên hệ giá trị của một quốc gia, tạo ra bản sắc của một dân tộc, là yếu tố quan trọng trong tư duy phát triển. Vì vậy, cần “phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá xã hội hài hòa với phát triển kinh tế... xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển”, cũng như bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương, trong từng dự án; đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường và phát triển các dịch vụ môi trường. Chủ động triển khai chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng; tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động có tính toàn cầu này.

Sáu, tập trung phát triển nhanh một số ngành công nghiệp nguyên liệu cơ bản, cần điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng đầu tư mạnh mẽ cho nông nghiệp tạo ra những bước ngoặt về năng suất và chất lượng để phát triển nhanh một số loại cây trồng mà nước ta có tiềm năng và lợi thế, thí dụ như bông, ngô, đậu tương... nhằm giành lại thị trường trong nước tiêu thụ đã phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng đang ngày càng bị hàng nhập khẩu lấn lướt. Đồng thời phát triển nhanh các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp trung gian. Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp chế biến các

nguyên liệu thô đã xuất khẩu trên quy mô lớn trong nhiều năm qua.

Bây, Nhà nước tập trung đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu nhất; đồng thời, đẩy mạnh huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ sạch; hạn chế đầu tư vào các ngành khai thác tài nguyên, sử dụng nhiều đất, tiêu hao nhiều năng lượng; không chấp nhận những dự án đầu tư công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường. Phải giảm bớt chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư; kiên quyết cắt giảm các công trình chưa thực sự cần thiết, tập trung nguồn lực cho các dự án tạo ra năng lực sản xuất và năng lực xuất khẩu mới, các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, sớm đưa vào sử dụng; giảm bội chi ngân sách và thâm hụt cán cân thương mại, kiềm chế tốc độ tăng giá.

Tám, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm quốc dân, trọng tâm là phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh để có thể tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, coi trọng vai trò có ý nghĩa chiến lược lâu dài của nông nghiệp trong việc ổn định xã hội, bảo đảm an ninh lương thực và cải thiện đời sống nông dân; xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá với công nghệ cao nhằm tăng giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích đất; gắn kết chặt chẽ giữa áp dụng khoa học công nghệ với tổ chức sản xuất; giữa sản xuất,

chế biến với phân phối trong một chuỗi giá trị, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu trong chuỗi giá trị đó, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, phát triển công nghiệp hỗ trợ phải được coi là một nội dung trọng tâm của tái cấu trúc các ngành sản xuất công nghiệp. Tạo sự gắn kết giữa các doanh nghiệp chế tạo với doanh nghiệp lắp ráp, các doanh nghiệp trong nước với các nhà đầu tư nước ngoài trong việc lựa chọn và phát triển công nghiệp hỗ trợ theo cụm nhóm sản phẩm trên cơ sở thị trường có sự định hướng của Nhà nước, tập trung vào một số sản phẩm cơ khí, thiết bị điện, điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin...

Chín, đẩy nhanh tiến trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hoá và cải cách các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Phát triển mạnh kinh tế dân doanh, mỗi doanh nghiệp phải tự tái cấu trúc để thích ứng với sự thay đổi về công nghệ và thị trường nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Các tập đoàn và tổng công ty nhà nước cần tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, phải chuyển từ hoạt động đa dạng sang chuyên môn hoá nhằm thực hiện chính sách cơ cấu; đẩy mạnh đổi mới và sáng tạo, nâng cao hiệu quả và tạo lập năng lực cạnh tranh dài hạn để có thể tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Cải cách cơ chế và tổ chức nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, đặt doanh nghiệp nhà nước vào môi trường cạnh tranh và quy định các chỉ tiêu chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc và công khai

kết quả kiểm toán.

Mười, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Tăng cường kiểm tra chất lượng các mặt hàng nhập khẩu, bảo vệ người tiêu dùng và khuyến khích sản xuất trong nước. Coi trọng hơn thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn. Đẩy mạnh cuộc vận động người VN dùng hàng VN; phát triển mạnh hệ thống phân phối của các doanh nghiệp nước ta trên thị trường nội địa để có thể làm chủ thị trường này, tạo cơ sở vươn xa, thâm nhập sâu vào thị trường thế giới, mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác có hiệu quả các thị trường có hiệp định mậu dịch tự do.

Kết luận: Đại hội lần thứ XI của Đảng ta đã xác định cần thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại. Quá trình chuyển đổi này là quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, yêu cầu đòi hỏi khách quan của tiến trình phát triển VN●

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tấn Dũng, *Định hướng phát triển bền vững VN giai đoạn 2011-2020*.
2. TS. Nguyễn Minh Phong Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội
3. Nguyễn Đình Bích Theo MPI Portal
4. Bài viết trên báo *Quân đội nhân dân*